

Bản án số: 61/2018/DS-ST
Ngày: 12/9/2018.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phùng.
2. Ông Huỳnh Văn Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 109/2018/TLST-DS, ngày 16/5/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST - DS ngày 06/8/2018. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1969.

Trú tại: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Trú tại: khu phố X, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Lữ Thị N1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (tham gia tố tụng với bên bị đơn):* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018 của ông Huỳnh Văn N và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào ngày 15/12/2016 ông N có cho bà N1 vay số

tiền là 15.500.000 đồng để trang trải kinh tế cho gia đình, ông N giao tiền, bà N1 nhận ghi nợ trên giấy hợp đồng cầm cố (bà N1 không có cầm cố tài sản gì), lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng, hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn khi nào ông N cần thu hồi vốn thì báo trước cho bà N1 thời hạn 30 ngày. Tuy nhiên, từ khi nhận tiền đến nay bà N1 không trả lãi và gốc theo thỏa thuận. Nay ông N yêu cầu bà N1 và ông X (chồng bà N1) phải liên đới hoàn trả số tiền vay vốn là 15.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lữ Thị N1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lữ Thị N1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà N1 và ông X là phù hợp.

[2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018 nguyên đơn ông Huỳnh Văn N yêu cầu bị đơn bà Lữ Thị N1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X phải liên đới hoàn trả số tiền vay vốn là 15.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/12/2016 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất là 1,5%/tháng (tạm tính từ ngày 15/12/2016 đến ngày 15/5/2018 tiền lãi là 4.417.500 đồng). Tuy nhiên, đến ngày 11/9/2018, ông N có thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là chỉ yêu cầu bà N1 và ông X phải liên đới hoàn trả số tiền vay vốn là 15.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018.

[3] Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy ghi tiêu đề là “Hợp đồng cầm cố” đề ngày 15/12/2016 có nội dung: “Khách hàng: Lữ Thị N1, địa chỉ: T,...số tiền: 15.500.000 đ, bằng chữ: mười lăm triệu rưỡi,...ngày 15 tháng 12 năm 2016. Khách hàng (Ký tên) n1, Lữ Thị N1”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: bản sao đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018 của ông Huỳnh Văn N và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của ông Huỳnh Văn N (bao gồm giấy ghi tiêu đề là “Hợp đồng cầm cố” đề ngày 15/12/2016 nêu trên), thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Lữ Thị N1 và ông Nguyễn Văn X nhưng bà N1 và ông X vẫn vắng mặt không lý do và không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Hội đồng xét xử xác định bà Lữ Thị N1 có vay của ông Huỳnh Văn

N số tiền là 15.500.000 đồng. Xét thấy, bản thân bà N1 đã tham gia giao dịch về vay tiền với ông N nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc bà N1 phải hoàn trả cho ông N số tiền vay vốn là 15.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc ông N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 15.500.000 đồng là sự tự nguyện của ông nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X là chồng của bị đơn bà Lữ Thị N1 mặc dù không có trực tiếp tham gia giao dịch về vay tiền với nguyên đơn ông Huỳnh Văn N, tuy nhiên theo nguyên đơn trình bày: ông N có cho bà N1 vay số tiền là 15.500.000 đồng để trang trải kinh tế cho gia đình. Phía ông X không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông N, cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu khởi kiện của ông N. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với những giao dịch hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm phục vụ các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông X phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà N1 trả nợ là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bà N1 và ông X phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho ông N do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N.

Buộc bà Lữ Thị N1 và ông Nguyễn Văn X phải liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn N số tiền vay vốn là 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lữ Thị N1 và ông Nguyễn Văn X phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 15.500.000 đồng x 5% = 775.000 (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 498.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxxx ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt